TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2023/DS-ST Ngày: 25-5-2023 V/v tranh chấp: "Vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám.

2. Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Số 552 Khu phố 4, Phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Hồ Thị T, sinh năm 1974; (vắng mặt)

2. Nguyễn Tấn P, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Số 62 Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc A trình bày:

Vào ngày 18/10/2020, vợ chồng anh Nguyễn Tấn P và chị Hồ Thị T có mượn tiền của bà A để chi tiêu trong gia đình với số tiền 10.000.000 đồng. Khi mượn tiền

của bà thì anh P, chị T có làm giấy mượn tiền cho bà và hứa khi nào bà cần lấy lại tiền thì chị T, anh P sẽ trả đủ. Đến tháng 01/2022, bà cần lấy lại tiền nên bà yêu cầu chị T, anh P phải trả tiền cho bà nhưng chị T, anh P hứa hẹn hết lần này đến lần khác cho đến nay không chịu trả tiền. Việc ông Phong, bà Trang mượn tiền mà không trả cho bà làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà rất nhiều. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Tấn P phải trả cho bà số tiền mượn là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, yêu cầu chị T, anh P trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn chị Hồ Thị T, anh Nguyễn Tấn P từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T và anh P vắng mặt.*

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:*

Ngày 18/10/2020, trong hoàn cảnh của chị Hồ Thị T khó khăn nên tôi có giới thiệu cho chị T mượn tiền của bà Huỳnh Ngọc A với số tiền là 10.000.000 đồng, trong khoản vay này thì chồng chị T là anh Nguyễn Tấn P hiểu và nắm rõ số tiền vay này. Khi bà A cho chị T, anh P vay tiền thì có mặt của tôi để làm chứng, chị T có hứa hết thời hạn vay sẽ trả cho bà A nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày, tranh luận và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ có căn cứ xác định bị đơn có mượn của bà Trang số tiền 10.000.000 đồng, chưa thể hiện đã trả cho bà Trang, nên bị đơn Hồ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền mượn chưa trả theo nội dung khởi của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh bị đơn Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên quan đến số nợ của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của bà Huỳnh Ngọc A về việc yêu cầu chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Tấn P phải trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo giấy biên nhận mượn tiền thì đây là quan hệ "Tranh chấp vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Tấn P là bị đơn trong vụ án cùng có địa chỉ trú tại: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã C, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tấn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không tham dự phiên tòa, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc A và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm bị đơn đều vắng mặt dù Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về việc bị khởi kiện buộc trả số tiền 10.000.000 đồng.

Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ 10.000.000 đồng thể hiện bằng biên nhận ghi ngày 18/10/2020 do bị đơn Hồ Thị T ký tên. Có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Tuyết L xác nhận nguyên đơn có cho bị đơn mượn số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc A buộc ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm và nghĩa vụ liên đới cùng với và Trang trả số tiền nợ 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên nhận ngày 18/10/2020 chỉ thể hiện việc giao dịch mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn bà Hồ Thị T, không có tài liệu nào khác thể hiện trách nhiệm của ông Phong.

Nguyên đơn cũng không quen biết với bà Trang, ông Phong mà chỉ thông qua sự giới thiệu của bà L, khi giao nhận tiền thì nguyên đơn giao cho bà Trang, không có ông Phong tham gia nhận tiền.

Số tiền 10.000.000 đồng bà Trang mượn của bà A sử dụng vào mục đích gì để xác định liên đới nghĩa vụ trả nợ chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu buộc ông Phong chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 10.000.000 đồng cùng với bà Trang là chưa có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ bị đơn Hồ Thị T có vay mượn của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trang phải có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí.

Bị đơn chị Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[9] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc A buộc bà Hồ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc A số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Huỳnh Ngọc A có đơn yêu cầu gửi cơ quan thi hành án, nếu bị đơn bà Hồ Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị T phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp